

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **105/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 11/7/2022
V/v tranh chấp “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Kiệt.

2. Bà Lê Thị Thu Yến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Nhật Minh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 439/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thảo N**, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Hưng N2, xã Đăng Hưng P, huyện Chợ G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Minh N1**, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 451 ấp một, xã Trung A, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 17/10/2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lê Thảo N trình bày: Chị và anh N1 xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung A, thành phố MT và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/11/2015. Sau khi kết hôn thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2019 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả, đã ly thân từ đầu năm 2019 đến nay, hiện mỗi người sống một nơi, không ai chăm sóc ai. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh N1.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Trường P, sinh ngày 16/6/2016. Chị N yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Minh N1 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh N1 vẫn không cung cấp cho Tòa án ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị N. Anh N1 vắng mặt không lý do trong tất cả các lần Tòa án triệu tập.

Tại phiên tòa chị N yêu cầu được ly hôn với anh N1 và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của anh, chị là cháu Nguyễn Trường P, sinh ngày 16/6/2016, không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa là đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn không tuân thủ quy định của pháp luật, vắng mặt không lý do, nên xét xử vắng mặt anh N1 là phù hợp quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Anh N1 không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với việc yêu cầu ly hôn, nuôi con của chị N và cũng không tham dự phiên tòa. Như vậy, thể hiện anh N1 không có thiện chí đối với cuộc hôn nhân này, chứng tỏ tình cảm vợ chồng của hai anh chị không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị N yêu cầu ly hôn với anh N1 là có căn cứ đề nghị chấp nhận; Về con chung của anh, chị là cháu Nguyễn Trường P, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con, hiện cháu P đang sống với chị N, để ổn định cuộc sống, tâm sinh lý của cháu P, đề nghị chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị N; Anh N1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N chưa yêu cầu. Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết, không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Nguyễn Minh N1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Minh N1.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thảo N và anh Nguyễn Minh N1 có đăng ký kết hôn đã được Ủy ban nhân dân xã Trung An, thành phố MT và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/11/2015, nên hôn nhân giữa anh, chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu của chị N, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị N và anh N1 kết hôn năm 2015, chị N trình bày: Sau khi kết hôn thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2019 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả, đã ly thân từ đầu năm 2019 đến nay, hiện mỗi người sống một nơi, không ai chăm sóc ai, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh N1.

Xét thấy, trong thời gian ly thân chị N và anh N1 không có biện pháp nào đoàn tụ, hiện mỗi người sống một nơi. Anh N1 thì không cung cấp ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị N và vắng mặt không dự phiên tòa để trình bày ý

kiến về việc chị N yêu cầu ly hôn, yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Như vậy, hôn nhân giữa anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị N yêu cầu được ly hôn với anh N1 là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Trường P, sinh ngày 16/6/2016. Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con.

Xét, chị N trình bày từ khi ly thân cho đến nay cháu P cùng sống chung với chị, chị chăm sóc nuôi dưỡng cháu, nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Xét thấy, cháu P còn rất nhỏ, anh N1 thì không có ý kiến của mình về việc nuôi con để Hội đồng xét xử xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu P cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa chị N không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con. Xét, đây là sự tự nguyện của chị N và phù hợp quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Anh Nguyễn Minh N1 có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Lê Thảo N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Xét, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thảo N.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thảo N và anh Nguyễn Minh N1.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Trường P, sinh ngày 16/6/2016 cho chị Lê Thảo N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Minh N1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Minh N1 có quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lê Thảo N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004409 ngày 12/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố MT, tỉnh Tiền Giang nên xem như chị Lê Thảo N nộp xong án phí.

6. Chị Lê Thảo N có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Minh N1 vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thành phố MT;
- Chi cục THADS TP.MT;
- UBND Phường năm, TP.MT,Tiền Giang;
- Các đương sự:
 - + Chị Lê Thảo N;
 - + Anh Nguyễn Minh N1;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Sang